

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Hội đồng Quản trị	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán	5 - 6
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013	14 - 38
8. Phụ lục	39 - 41

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty cổ phần cao su Bến Thành hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4103006483, đăng ký lần đầu ngày 20 tháng 4 năm 2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 06 ngày 20 tháng 01 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Ngày 03 tháng 11 năm 2011, cổ phiếu của Công ty chính thức được niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh theo Quyết định số 162/2011/QĐ-SGDHCM ngày 27 tháng 10 năm 2011 của Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là BRC.

Vốn điều lệ: 123.749.970.000 VND

Trong đó:

Tên cổ đông	Số cổ phần	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Tập đoàn công nghiệp cao su VN	6.007.758	60.077.580.000	48,55
Tổng Công ty công nghiệp Sài Gòn	2.457.578	24.575.780.000	19,86
Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên 1	2.310.000	23.100.000.000	18,67
Các cổ đông khác	1.599.661	15.996.610.000	12,92
Cộng	12.374.997	123.749.970.000	100,00

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Lô B3-1 Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, đường Giáp Hải, xã Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại : (84-8) 37.907.619

Fax : (84-8) 37.907.461

Mã số thuế : 0301150295

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Sản xuất và mua bán sản phẩm cao su: Băng tải, dây courroie, dây trần bản, vỏ ruột xe đạp, xe gắn máy, cao su nguyên liệu, sản phẩm cao su kỹ thuật;
- Mua bán nguyên liệu, vật tư, thiết bị phục vụ ngành công nghiệp; Mua bán hàng thủ công mỹ nghệ; Đại lý mua bán ký gửi hàng hoá;
- Cho thuê mặt bằng, văn phòng làm việc; Xây dựng công trình dân dụng; Đầu tư xây dựng, kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp; Kinh doanh lữ hành nội địa; Kinh doanh nhà hàng, khách sạn (không hoạt động tại trụ sở); Kinh doanh nhà.

Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình hoạt động của Công ty

Năm nay, Công ty thực hiện tăng vốn điều lệ từ 82.499.980.000 VND lên 123.749.970.000 VND bằng việc phát hành thêm 4.124.999 cổ phần cho cổ đông hiện hữu để đầu tư dây chuyền sản xuất băng chuyền kỹ thuật cao.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 38).



CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BẾN THÀNH
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Trong năm, Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2012 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 04 tháng 6 năm 2013 như sau:

- Trích quỹ đầu tư phát triển	2.339.690.226 VND
- Trích quỹ dự phòng tài chính	1.350.000.000 VND
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	3.900.000.000 VND
- Chia cổ tức (10%/vốn điều lệ)	8.249.998.000 VND

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Hội đồng quản trị Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2013 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ
Ông Huỳnh Trung Trực	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Thanh	Thành viên
Ông Nguyễn Bán	Thành viên
Bà Lê Thị Phương Dung	Thành viên
Ông Phạm Đình Nhật Cường	Thành viên

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Văn Lương	Trưởng ban
Bà Trương Thị Thu Hương	Thành viên
Bà Trần Thị Mỹ Hạnh	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Văn Thanh	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Bán	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Trần Nghiêm Vũ	Phó Tổng Giám đốc

Đến ngày 01 tháng 01 năm 2014 Công ty bổ nhiệm Ông Nguyễn Bán lên thay thế chức vụ Tổng Giám đốc cho Ông Nguyễn Văn Thanh đã miễn nhiệm vào ngày 01 tháng 01 năm 2014.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013. A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.



Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những Chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty cổ phần cao su Bến Thành tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.



Thay mặt Hội đồng quản trị

Nguyễn Văn Thanh
Thành Viên

Ngày 28 tháng 03 năm 2014



**BAKER TILLY
A&C**

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.



Headquarters : 2 Trương Sơn St., W. 2, Tân Bình Dist., Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang : 18 Trần Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 162C/4 Trần Ngọc Que St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 0340/2014/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BẾN THÀNH**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cổ phần cao su Bến Thành, được lập ngày 20 tháng 02 năm 2014, từ trang 07 đến trang 38, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Chúng tôi nhận thấy khoản chi phí hoa hồng bán hàng phát sinh trong năm 2012 với số tiền là 1.577.736.000 VND được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh năm 2013 làm cho lợi nhuận năm 2012 tăng lên và năm 2013 giảm xuống với cùng một khoản là 1.577.736.000 VND.

Ngoài ra, chúng tôi cũng không có đủ thông tin để xem xét tính hợp lý của khoản chi phí hoa hồng trích trước tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 với số tiền là 2.447.354.000 VND (thuyết minh V.19).

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần cao su Bến Thành tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Công ty của đã được kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác. Kiểm toán viên của công ty kiểm toán này đã đưa ra Báo cáo kiểm toán vào ngày 27 tháng 02 năm 2013 có dạng ý kiến ngoại trừ. Vấn đề ngoại trừ liên quan đến khoản lợi nhuận từ việc góp vốn liên doanh vào Nông trường cao su Phước Minh năm 2012 vẫn chưa được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Lý Quốc Trung - Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0099-2013-008-1

Lương Anh Vũ - Kiểm toán viên

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1832-2013-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BẾN THÀNH

Địa chỉ: Lô B3-1 Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, đường Giáp Hải, xã Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		137.377.390.071	168.584.711.412
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	54.223.198.968	43.918.239.957
1. Tiền	111		2.923.198.968	5.942.822.378
2. Các khoản tương đương tiền	112		51.300.000.000	37.975.417.579
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	4.190.126.264
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	4.190.126.264
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		44.605.816.788	87.261.806.710
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	28.503.284.353	29.158.499.148
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	13.824.188.310	55.751.949.148
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.4	3.749.549.155	3.019.265.664
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.5	(1.471.205.030)	(667.907.250)
IV. Hàng tồn kho	140		29.627.905.060	32.212.994.909
1. Hàng tồn kho	141	V.6	29.627.905.060	32.212.994.909
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		8.920.469.255	1.001.543.572
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		12.113.558	12.797.149
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		7.781.026.393	9.637.003
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.7	1.127.329.304	979.109.420

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BẾN THÀNH

Địa chỉ: Lô B3-1 Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, đường Giáp Hải, xã Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		154.195.061.390	57.202.725.300
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		136.280.140.351	43.205.374.505
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	41.052.864.021	43.090.474.505
<i>Nguyên giá</i>	222		105.609.472.386	102.018.852.680
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(64.556.608.365)	(58.928.378.175)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		-	11.219.048
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	(11.219.048)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.9	95.227.276.330	114.900.000
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		14.660.246.666	9.860.246.666
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.10	260.246.666	260.246.666
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.11	14.400.000.000	9.600.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		3.254.674.373	4.137.104.129
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	2.688.196.046	3.956.182.080
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.13	538.417.880	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		28.060.447	180.922.049
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		291.572.451.461	225.787.436.712

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BẾN THÀNH

Địa chỉ: Lô B3-1 Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, đường Giáp Hải, xã Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		115.309.277.650	93.242.550.000
I. Nợ ngắn hạn	310		43.454.797.705	63.723.794.267
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.14	10.672.850.690	12.670.264.957
2. Phải trả người bán	312	V.15	16.458.355.082	2.886.737.857
3. Người mua trả tiền trước	313	V.16	1.949.390.889	32.200.485.388
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.17	2.032.467.174	10.908.294.205
5. Phải trả người lao động	315	V.18	960.001.105	780.513.506
6. Chi phí phải trả	316	V.19	2.447.354.000	-
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.20	6.351.628.176	2.918.967.802
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	V.21	1.447.997.641	1.152.901.113
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.22	1.134.752.948	205.629.439
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		71.854.479.945	29.518.755.733
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	100.000.000
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.23	71.854.479.945	29.418.755.733
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		176.263.173.811	132.544.886.712
I. Vốn chủ sở hữu	410		176.263.173.811	132.544.886.712
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.24	123.749.970.000	82.499.980.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.24	26.340.019.200	23.140.020.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.24	15.646.308.058	12.856.617.832
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.24	5.032.722.908	3.682.722.908
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.24	5.494.153.645	10.365.545.972
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		291.572.451.461	225.787.436.712

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BẾN THÀNH

Địa chỉ: Lô B3-1 Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, đường Giáp Hải, xã Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		2.719.071.173	2.719.071.173
5. Ngoại tệ các loại: Dollar Mỹ (USD)		12.614,50	19.533,90
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 02 năm 2014

Huỳnh Ngọc Sơn
Người lập biểu

Lưu Thị Tố Như
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Thanh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BẾN THÀNH

Địa chỉ: Lô B3-1 Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, đường Giáp Hải, xã Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VL1	203.561.355.659	192.324.353.673
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VL1	-	439.683.083
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VL1	203.561.355.659	191.884.670.590
4. Giá vốn hàng bán	11	VL2	159.388.156.446	153.825.215.506
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		44.173.199.213	38.059.455.084
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VL3	2.668.767.854	5.125.083.803
7. Chi phí tài chính	22	VL4	3.057.830.041	2.581.777.504
Trong đó: chi phí lãi vay	23		1.175.316.273	1.373.422.442
8. Chi phí bán hàng	24	VL5	20.592.775.856	15.443.674.085
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VL6	8.114.672.502	8.319.960.749
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		15.076.688.668	16.839.126.549
11. Thu nhập khác	31	VL7	192.636.255	1.802.773.509
12. Chi phí khác	32	VL8	365.857.586	13.364.219
13. Lợi nhuận khác	40		(173.221.331)	1.789.409.290
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		14.903.467.337	18.628.535.839
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.17	4.473.589.318	2.317.443.734
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.13	(538.417.880)	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>10.968.295.899</u>	<u>16.311.092.105</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VL9	<u>1.227</u>	<u>1.977</u>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 02 năm 2014


Huỳnh Ngọc Sơn
Người lập biểu

Lưu Thị Tố Như
Kế toán trưởngNguyễn Văn Thanh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BẾN THÀNH

Địa chỉ: Lô B3-1 Khu công nghiệp Tây Bắc Cù Chi, đường Giáp Hải, xã Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		14.903.467.337	18.628.535.839
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.8	7.777.045.280	7.875.083.544
- Các khoản dự phòng	03	V.5	803.297.780	(149.846.596)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.3, VI.4	(59.015.190)	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3, VI.4, VI.7, VI.8	(1.763.089.819)	(4.952.423.920)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	1.175.316.273	1.373.422.442
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		22.837.021.661	22.774.771.309
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		12.127.980.571	(54.932.369.711)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		2.585.089.849	8.270.777.757
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(27.414.565.338)	17.918.335.275
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1.616.781.058	426.767.232
- Tiền lãi vay đã trả	13	V.20, VI.4	(1.006.985.313)	(1.373.422.442)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.17	(10.496.376.759)	(1.189.410.000)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		340.177.420	8.201.021.500
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(3.266.561.795)	(4.059.358.782)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(2.677.438.646)	(3.962.887.862)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.7, V9, VII	(68.396.214.336)	(2.559.399.993)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VI.7	177.272.727	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(522.084.597)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		4.190.126.264	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	V.11	(4.800.000.000)	(1.200.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.4, VI.3	2.589.173.453	4.359.437.689
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(66.239.641.892)	77.953.099

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BẾN THÀNH

Địa chỉ: Lô B3-1 Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, đường Giáp Hải, xã Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	V.24	44.549.989.200	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.14, V.23	86.245.953.222	50.426.273.666
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.14, V.23	(45.930.230.500)	(37.324.296.243)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.24	(5.639.645.920)	(3.277.666.080)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		79.226.066.002	9.824.311.343
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		10.308.985.464	5.939.376.580
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	43.918.239.957	37.978.863.377
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(4.026.453)	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	54.223.198.968	43.918.239.957

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 02 năm 2014


Huỳnh Ngọc Sơn
Người lập biểu

Lưu Thị Tố Như
Kế toán trưởngNguyễn Văn Thanh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BẾN THÀNH

Địa chỉ: Lô B3-1 Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, đường Giáp Hải, xã Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2013

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất, dịch vụ, thương mại.
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Sản xuất và mua bán sản phẩm cao su: Băng tải, dây courroie, dây trần bản, vỏ ruột xe đạp, xe gắn máy, cao su nguyên liệu, sản phẩm cao su kỹ thuật; Mua bán nguyên liệu, vật tư, thiết bị phục vụ ngành công nghiệp.
4. **Nhân viên**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 Công ty có 149 nhân viên đang làm việc (cuối năm trước là 141 nhân viên).
5. **Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**
Năm nay, Công ty thực hiện tăng vốn điều lệ từ 82.499.980.000 VND lên 123.749.970.000 VND bằng việc phát hành thêm 4.124.999 cổ phần cho cổ đông hiện hữu để đầu tư dây chuyền sản xuất băng chuyền kỹ thuật cao.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.
3. **Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BẾN THÀNH

Địa chỉ: Lô B3-1 Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, Đường Giáp Hải, Xã Trung Lập Hạ, Huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.



CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BẾN THÀNH

Địa chỉ: Lô B3-1 Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, Đường Giáp Hải, Xã Trung Lập Hạ, Huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	15 – 30
Máy móc và thiết bị	12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10 – 12
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 – 08

6. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

7. Chi phí trả trước dài hạn

Tiền thuê đất

Trả trước tiền thuê đất thể hiện số tiền thuê đất đã được trả trước. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê đất là 20 năm.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 04 năm.

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa bao gồm các chi phí sửa chữa nhà xưởng, nhà ăn, nhà vệ sinh, thay đồ,... được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian không quá 04 năm.

8. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

9. Trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp

Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức chi trả bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương bình quân làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 01 năm làm việc.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 Công ty phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 01% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp Công ty không phải trả trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

Trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp khi chi trả cho người lao động.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BẾN THÀNH

Địa chỉ: Lô B3-1 Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, Đường Giáp Hải, Xã Trung Lập Hạ, Huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và có khả năng phải thanh toán khoản nợ đó. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính. Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên trong dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tiền lãi.

Chi phí bảo hành sản phẩm

Dự phòng cho bảo hành sản phẩm được lập cho từng loại sản phẩm có cam kết bảo hành với mức trích lập theo các cam kết với khách hàng.

11. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

12. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

13. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ và Quy chế quản lý tài chính của Công ty như sau:

	Mục đích
• Quỹ đầu tư phát triển	Mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu của Công ty
• Quỹ dự phòng tài chính	Bù đắp những tổn thất, thiệt hại xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc các trường hợp bất khả kháng, ngoài dự kiến như thiên tai, hỏa hoạn,...
• Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động

Mức trích lập được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên.

14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BẾN THÀNH

Địa chỉ: Lô B3-1 Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, Đường Giáp Hải, Xã Trung Lập Hạ, Huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

15. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2013 : 21.130 VND/USD
31/12/2012 : 20.828 VND/USD

16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BẾN THÀNH

Địa chỉ: Lô B3-1 Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, Đường Giấp Hải, Xã Trung Lập Hạ, Huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều năm tài chính thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

17. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm các nhóm: các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

18. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BẾN THÀNH

Địa chỉ: Lô B3-1 Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, Đường Giáp Hải, Xã Trung Lập Hạ, Huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

19. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.1.



CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BẾN THÀNH

Địa chỉ: Lô B3-1 Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, Đường Giấp Hải, Xã Trung Lập Hạ, Huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	20.012.802	604.620.865
Tiền gửi ngân hàng	2.903.186.166	5.338.201.513
Các khoản tương đương tiền (*)	51.300.000.000	37.975.417.579
Cộng	54.223.198.968	43.918.239.957

(*) Tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng.

Toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi tại ngân hàng được dùng để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Sài Gòn.

2. Phải thu khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Các khách hàng trong nước	25.450.130.283	26.178.616.360
Các khách hàng ngoài nước	3.053.154.070	2.979.882.788
Cộng	28.503.284.353	29.158.499.148

Các khoản phải thu được dùng để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Sài Gòn.

3. Trả trước cho người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Các nhà cung cấp trong nước	13.824.188.310	2.298.116.000
Các nhà cung cấp ngoài nước	-	53.453.833.148
Cộng	13.824.188.310	55.751.949.148

4. Các khoản phải thu khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu về cổ phần hóa	2.162.711.778	2.162.711.778
Lãi tiền gửi dự thu	381.722.222	592.986.231
Phải thu về hỗ trợ lãi vay	926.537.489	191.487.655
Các khoản phải thu khác	278.577.666	72.080.000
Cộng	3.749.549.155	3.019.265.664

5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán		
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn dưới 01 năm	38.652.900	-
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm	52.302.690	638.017.250
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm	381.310.440	29.890.000
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên	998.939.000	-
Cộng	1.471.205.030	667.907.250

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BẾN THÀNH

Địa chỉ: Lô B3-1 Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, Đường Giáp Hải, Xã Trung Lập Hạ, Huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tình hình biến động dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số dư đầu năm	667.907.250	1.775.807.261
Trích lập dự phòng bổ sung	803.297.780	100.172.030
Xử lý dự phòng	-	(1.208.072.041)
Số dư cuối năm	1.471.205.030	667.907.250

6. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hàng mua đang đi trên đường	394.268.600	-
Nguyên liệu, vật liệu	13.845.948.892	15.131.610.869
Công cụ, dụng cụ	278.172.330	218.437.028
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2.499.615.650	3.648.155.891
Thành phẩm	4.585.302.216	8.708.461.532
Hàng hóa	-	47.992.039
Hàng gửi đi bán	8.024.597.372	4.458.337.550
Cộng	29.627.905.060	32.212.994.909

Hàng tồn kho được dùng để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Sài Gòn.

7. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	931.644.000	638.932.000
Các khoản ký quỹ ngắn hạn	195.685.304	340.177.420
Cộng	1.127.329.304	979.109.420

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá					
Số đầu năm	12.943.917.570	81.228.852.726	7.390.718.085	455.364.299	102.018.852.680
Mua sắm mới	-	602.233.408	1.500.000.000	-	2.102.233.408
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	248.402.478	4.085.430.400	-	-	4.333.832.878
Giảm khác(*)	(56.000.000)	(1.748.197.784)	(23.056.515)	(336.305.227)	(2.163.559.526)
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(681.887.054)	-	(681.887.054)
Số cuối năm	13.136.320.048	84.168.318.750	8.185.774.516	119.059.072	105.609.472.386
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	3.369.984.828	2.440.017.744	37.350.000	5.847.352.572
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	6.585.527.484	47.941.872.067	4.071.307.800	329.670.824	58.928.378.175
Khấu hao trong năm	565.950.124	6.636.436.948	542.484.978	32.173.230	7.777.045.280
Giảm khác(*)	(45.465.186)	(1.476.143.766)	(22.821.825)	(271.017.316)	(1.815.448.093)
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(333.366.997)	-	(333.366.997)
Số cuối năm	7.106.012.422	53.102.165.249	4.257.603.956	90.826.738	64.556.608.365

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BẾN THÀNH

Địa chỉ: Lô B3-1 Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, Đường Giáp Hải, Xã Trung Lập Hạ, Huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	6.358.390.086	33.286.980.659	3.319.410.285	125.693.475	43.090.474.505
Số cuối năm	6.030.307.626	31.066.153.501	3.928.170.560	28.232.334	41.052.864.021
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

- (*) Điều chỉnh các tài sản không thỏa điều kiện là tài sản cố định sang chi phí trả trước dài hạn theo hướng dẫn của Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính.

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 61.611.534.361 VND và 13.730.870.311 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Sài Gòn và Ngân hàng thương mại cổ phần kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Chợ Lớn.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	-	4.085.430.400	(4.085.430.400)	-
XDCB dở dang	114.900.000	95.360.778.808	(248.402.478)	95.227.276.330
- Công trình xây dựng thấp mức	-	248.402.478	(248.402.478)	-
- Công trình cải tạo và mở rộng nhà máy	114.900.000	2.520.732.169	-	2.635.632.169
- Dây chuyền sản xuất bằng tài kỹ thuật cao	-	92.591.644.161	-	92.591.644.161
Cộng	114.900.000	99.446.209.208	(4.333.832.878)	95.227.276.330

10. Đầu tư vào công ty liên doanh

Khoản liên doanh với Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Cao su 30 – 4 Tây Ninh thành lập Nông trường cao su liên kết Phước Ninh theo Hợp đồng liên kết kinh tế số 01/HĐLKKT ngày 25 tháng 7 năm 1993 với tỷ lệ góp vốn mỗi bên là 50%.

11. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty cổ phần chi sợi cao su V.R.G SA DO ^(a)	600.000	6.000.000.000	120.000	1.200.000.000
Công ty cổ phần bất động sản Sài Gòn Đông Dương ^(b)	840.000	8.400.000.000	840.000	8.400.000.000
Cộng		14.400.000.000		9.600.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BẾN THÀNH

Địa chỉ: Lô B3-1 Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, Đường Giáp Hải, Xã Trung Lập Hạ, Huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (a) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3602936948 đăng ký lần đầu ngày 08 tháng 10 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp, Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần chi sợi cao su là 6.000.000.000 VND, tương đương 10% vốn điều lệ.
- (b) Công ty cổ phần bất động sản Sài Gòn Đông Dương hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4103002782 đăng ký lần thứ 4 ngày 31 tháng 01 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty đã đầu tư vào Công ty cổ phần bất động sản Sài Gòn Đông Dương 8.400.000.000 VND tương đương 12% vốn điều lệ.

12. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm	Số cuối năm
Tiền thuê đất (*)	810.176.100	-	(121.526.400)	688.649.700
Công cụ, dụng cụ	2.422.617.111	717.917.239	(1.361.387.111)	1.779.147.239
Chi phí sửa chữa	403.269.716	-	(374.942.094)	28.327.622
Chi phí trả trước khác	320.119.153	11.219.048	(139.266.716)	192.071.485
Cộng	3.956.182.080	729.136.287	(1.997.122.321)	2.688.196.046

- (*) Quyền sử dụng đất khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay dài hạn của Ngân hàng thương mại cổ phần kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Chợ Lớn.

13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

14. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	7.832.725.130	9.870.731.821
- Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Sài Gòn ^(a)	7.832.725.130	1.546.603.968
- Ngân hàng thương mại cổ phần kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Chợ Lớn	-	8.324.127.853
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.23)	2.840.125.560	2.799.533.136
Cộng	10.672.850.690	12.670.264.957

- (a) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Sài Gòn theo Hợp đồng tín dụng số 01/2013/HDTD-62647 ngày 24 tháng 6 năm 2013 với giá trị hạn mức là 45.000.000.000 VND (bao gồm ngoại tệ quy đổi). Khoản vay này chịu lãi suất theo từng lần giải ngân, được thanh toán vào ngày đáo hạn của từng Khế ước nhận nợ. Tài sản đảm bảo: số dư tài khoản tiền gửi sản xuất kinh doanh bằng VND và ngoại tệ tại ngân hàng và Tổ chức tín dụng khác; hàng tồn kho, các khoản phải thu theo hợp đồng kinh tế được ký kết giữa bên vay và đối tác khác mà bên vay là người thụ hưởng và máy móc thiết bị theo hợp đồng thế chấp số 01/2012/HĐTC-62647 ngày 21 tháng 7 năm 2012 (Xem thuyết minh V.1, V.2, V.6 và V.8).

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BẾN THÀNH

Địa chỉ: Lô B3-1 Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, Đường Giáp Hải, Xã Trung Lập Hạ, Huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ ngắn hạn như sau:

	Vay ngắn hạn ngân hàng	Vay dài hạn đến hạn trả	Cộng
Số đầu năm	9.870.731.821	2.799.533.136	12.670.264.957
Số tiền vay phát sinh trong năm	37.788.573.822	-	37.788.573.822
Số tiền vay đã trả trong năm	(39.830.697.364)	(5.599.533.136)	(45.430.230.500)
Số kết chuyển	-	5.638.915.852	5.638.915.852
Chênh lệch tỷ giá cuối năm	4.116.851	1.209.708	5.326.559
Số cuối năm	7.832.725.130	2.840.125.560	10.672.850.690

15. Phải trả người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Các nhà cung cấp trong nước	4.899.951.082	2.886.737.857
Các nhà cung cấp ngoài nước	11.558.404.000	-
Cộng	16.458.355.082	2.886.737.857

16. Người mua trả tiền trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Các khách hàng trong nước	968.569.040	31.373.308.033
Các khách hàng ngoài nước	980.821.849	827.177.355
Cộng	1.949.390.889	32.200.485.388

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	746.175.052	3.298.650.302	(4.044.825.354)	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	13.391.775.977	(13.391.775.977)	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	915.329.220	(915.329.220)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.888.064.443	4.473.589.318	(10.496.376.759)	1.865.277.002
Thuế thu nhập cá nhân	122.117.581	1.695.760.786	(1.650.688.195)	167.190.172
Thuế khác	2.151.937.129	-	(2.151.937.129)	-
Cộng	10.908.294.205	23.775.105.603	(32.650.932.634)	2.032.467.174

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Hoạt động xuất khẩu	0%
- Doanh thu bán cao su nguyên liệu	05%
- Các hoạt động khác	10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 25%.

Theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 4243/CV-UB-KT ngày 31 tháng 10 năm 1998, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 02 năm đầu kể từ khi có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong thời hạn 03 năm tiếp theo, nếu được Sở lao

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BẾN THÀNH

Địa chỉ: Lô B3-1 Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, Đường Giáp Hải, Xã Trung Lập Hạ, Huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

động thương binh và xã hội xác nhận có số lao động sử dụng bình quân trong năm ít nhất là 100 người thì được giảm thêm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 01 năm nữa. Do số lao động của Công ty đã vượt 100 người nên năm 2012 Công ty tiếp tục được hưởng ưu đãi 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp. Năm 2007 là năm đầu tiên Công ty có thu nhập chịu thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	14.903.467.337	18.628.535.839
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp		
- Các khoản điều chỉnh tăng	2.990.889.935	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập tính thuế	17.894.357.272	4.657.133.960
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp	4.473.589.318	4.657.133.960
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm	-	(2.339.690.226)
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	4.473.589.318	2.317.443.734

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

18. Phải trả người lao động

Tiền lương tháng 12 năm 2013 còn phải trả.

19. Chi phí phải trả

Chi phí hoa hồng bán hàng phải trả.

20. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	62.514.488	51.439.682
Nhận ký cược, ký quỹ ngắn hạn	-	12.000.000
Cổ tức phải trả	5.337.692.400	2.727.340.320
Chi phí lãi vay	168.330.960	-
Phải trả lỗ liên doanh	443.922.295	-
Các khoản phải trả khác	339.168.033	128.187.800
Cộng	6.351.628.176	2.918.967.802

21. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng nợ phải trả ngắn hạn liên quan đến tiền bảo hành sửa chữa sản phẩm. Chi tiết phát sinh như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	1.152.901.113	1.934.528.758
Sử dụng bảo hành	-	(531.609.019)
Trích lập trong năm	876.886.551	-
Hoàn nhập	-	(250.018.626)
Số đã sử dụng	(581.790.023)	-
Số cuối năm	1.447.997.641	1.152.901.113

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BẾN THÀNH

Địa chỉ: Lô B3-1 Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, Đường Giáp Hải, Xã Trung Lập Hạ, Huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	133.308.316	3.510.000.000	(2.557.407.402)	1.085.900.914
Quỹ phúc lợi	72.321.123	390.000.000	(413.469.089)	48.852.034
Cộng	205.629.439	3.900.000.000	(2.970.876.491)	1.134.752.948

23. Vay và nợ dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay dài hạn ngân hàng	71.854.479.945	26.118.755.733
- Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam- Chi nhánh Nam Sài Gòn ^(a)	66.405.602.325	17.948.222.925
- Ngân hàng thương mại cổ phần kỹ thương Việt Nam – Chi nhánh Chợ Lớn ^(b)	5.448.877.620	8.170.532.808
Vay dài hạn các tổ chức và cá nhân khác ^(c)	-	3.300.000.000
Cộng	71.854.479.945	29.418.755.733

(a) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Sài Gòn theo Hợp đồng tín dụng số 02/2012/HĐTD-62647 ngày 26 tháng 7 năm 2012 để đầu tư thiết bị đồng bộ hóa dây chuyền sản xuất bằng tài kỹ thuật cao với công nghệ lõi thép với giá trị hạn mức là 90.000.000.000 VND (bao gồm ngoại tệ quy đổi). Khoản vay chịu lãi suất 15%/năm từ ngày ký kết đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2012, từ ngày 01 tháng 01 năm 2013, lãi suất bằng lãi tiết kiệm cá nhân VND kỳ hạn 12 tháng trả lãi cuối kỳ của Ngân hàng cộng 06%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng: số dư tài khoản tiền gửi sản xuất kinh doanh bằng VND và ngoại tệ tại Ngân hàng và Tổ chức tín dụng khác; hàng tồn kho; các khoản phải thu theo hợp đồng kinh tế được ký kết giữa bên vay và đối tác khác mà bên vay là người thụ hưởng; Hợp đồng bảo hiểm và các quyền phát sinh từ hợp đồng bảo hiểm và tài sản hình thành trong tương lai từ vốn vay theo hợp đồng thế chấp số 01/2012/HĐTC-62647 ngày 26 tháng 7 năm 2012 cho khoản vay này (xem thuyết minh số V.1, V.2, V.6 và V.8).

(b) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Chợ Lớn theo Hợp đồng tín dụng số 11646/HĐTD/TH-PH ngày 30 tháng 10 năm 2009 để đầu tư mua sắm thiết bị với số tiền vay là 16.000.000.000 VND (bao gồm ngoại tệ quy đổi). Khoản vay chịu lãi suất từ 06%/năm đến 6,5%/năm (năm 2012: lãi suất từ 5,5%/năm đến 7,6%/năm) và được trả hàng tháng sau 07 tháng kể từ khi nhận nợ. Công ty sử dụng quyền sử dụng đất và các tài sản hình thành trên đất ở khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh để thế chấp và máy móc thiết bị theo hợp đồng thế chấp số 11646-2/HĐTC-TSTL/TCB ngày 17 tháng 5 năm 2000 cho khoản vay này (Xem Thuyết minh số V.8 và V.12).

(c) Khoản vay Quỹ đầu tư và phát triển đô thị TP. Hồ Chí Minh (nay là Công ty đầu tư tài chính nhà nước TP. Hồ Chí Minh).

Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn như sau:

Từ 01 năm trở xuống	2.840.125.560
Trên 01 năm đến 05 năm	71.854.479.945
Cộng	74.694.605.505

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BẾN THÀNH

Địa chỉ: Lô B3-1 Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, Đường Giáp Hải, Xã Trung Lập Hạ, Huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ dài hạn như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số kết chuyển	Số tiền vay đã trả trong năm	Chênh lệch tỷ giá cuối năm	Cộng
Vay dài hạn ngân hàng	26.118.755.733	48.457.379.400	(2.838.915.852)	-	117.260.664	71.854.479.945
Vay dài hạn các tổ chức và cá nhân khác	3.300.000.000	-	(2.800.000.000)	(500.000.000)	-	-
Cộng	29.418.755.733	48.457.379.400	(5.638.915.852)	(500.000.000)	117.260.664	71.854.479.945

24. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	82.499.980.000	23.140.020.000	8.939.655.402	2.440.722.908	193.416.297	117.213.794.607
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	16.311.092.105	16.311.092.105
Trích lập các quỹ trong năm	-	-	4.416.962.430	1.242.000.000	(6.138.962.430)	(480.000.000)
Giảm khác	-	-	(500.000.000)	-	-	(500.000.000)
Số dư cuối năm trước	82.499.980.000	23.140.020.000	12.856.617.832	3.682.722.908	10.365.545.972	132.544.886.712
Số dư đầu năm nay	82.499.980.000	23.140.020.000	12.856.617.832	3.682.722.908	10.365.545.972	132.544.886.712
Tăng vốn trong năm nay	41.249.990.000	3.299.999.200	-	-	-	44.549.989.200
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	10.968.295.899	10.968.295.899
Trích lập các quỹ trong năm	-	-	2.339.690.226	1.350.000.000	(7.589.690.226)	(3.900.000.000)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(8.249.998.000)	(8.249.998.000)
Tăng/giảm khác	-	(100.000.000)	450.000.000	-	-	350.000.000
Số dư cuối năm nay	123.749.970.000	26.340.019.200	15.646.308.058	5.032.722.908	5.494.153.645	176.263.173.811

Cổ tức

Cổ tức đã chi trả trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Trả cổ tức năm trước	5.639.645.920	3.277.666.080
Tạm ứng cổ tức	-	-
Cộng	5.639.645.920	3.277.666.080

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.374.997	8.249.998
Số lượng cổ phiếu đã phát hành ra công chúng	12.374.997	8.249.998
- Cổ phiếu phổ thông	12.374.997	8.249.998
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.374.997	8.249.998
- Cổ phiếu phổ thông	12.374.997	8.249.998
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BẾN THÀNH

Địa chỉ: Lô B3-1 Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, Đường Giáp Hải, Xã Trung Lập Hạ, Huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	203.561.355.659	192.324.353.673
- Doanh thu bán hàng hóa	46.034.280.900	31.144.240.400
- Doanh thu bán thành phẩm	154.962.690.020	158.342.069.104
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.564.384.739	2.838.044.169
Các khoản giảm trừ doanh thu:	-	439.683.083
- Giảm giá hàng bán	-	-
- Hàng bán bị trả lại	-	439.683.083
Doanh thu thuần	203.561.355.659	191.884.670.590
Trong đó:		
- Doanh thu thuần bán hàng hóa	46.034.280.900	31.144.240.400
- Doanh thu thuần bán thành phẩm	154.962.690.020	157.902.386.021
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	2.564.384.739	2.838.044.169

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn bán hàng hóa	44.889.387.858	30.225.938.337
Giá vốn bán thành phẩm (*)	114.498.768.588	123.599.277.169
Cộng	159.388.156.446	153.825.215.506

(*) Giá vốn bán thành phẩm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	84.551.441.367	93.305.591.985
Chi nhân công trực tiếp	5.545.192.148	6.429.957.898
Chi phí sản xuất chung	22.841.323.837	22.861.610.304
Tổng chi phí sản xuất	112.937.957.352	122.597.160.187
Chênh lệch chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.148.540.241	(653.795.112)
Tổng giá thành sản xuất	114.086.497.593	121.943.365.075
Chênh lệch tồn kho thành phẩm	4.123.159.316	981.126.913
Thành phẩm xuất khác	(144.628.499)	(497.805.424)
Hàng gửi bán	(3.566.259.822)	1.172.590.605
Cộng	114.498.768.588	123.599.277.169

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	2.377.909.444	4.952.423.920
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	32.670.749	-
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	204.789.802	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	53.397.859	172.659.883
Cộng	2.668.767.854	5.125.083.803

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BẾN THÀNH

Địa chỉ: Lô B3-1 Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, Đường Giáp Hải, Xã Trung Lập Hạ, Huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**4. Chi phí tài chính**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	1.175.316.273	1.373.422.442
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	327.891.861	320.405.062
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	145.774.612	-
Lỗ từ hoạt động liên doanh	443.572.295	-
Chi phí khác	965.275.000	887.950.000
Cộng	3.057.830.041	2.581.777.504

5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	2.691.550.794	3.171.442.535
Chi phí nguyên vật liệu	593.096.415	689.647.007
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	79.689.943	47.382.821
Chi phí khấu hao tài sản cố định	30.016.014	41.277.613
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.087.245.470	11.335.588.580
Chi phí khác	1.111.177.220	158.335.529
Cộng	20.592.775.856	15.443.674.085

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	4.284.623.877	4.849.700.641
Chi phí nguyên vật liệu	325.312.683	116.143.734
Chi phí khấu hao tài sản cố định	428.301.607	467.612.386
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.845.039.028	2.026.882.583
Chi phí khác	1.231.395.307	859.621.405
Cộng	8.114.672.502	8.319.960.749

7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu tiền thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	177.272.727	-
Thu nhập từ bán phế liệu	6.750.000	19.145.000
Xử lý nợ phải trả	-	1.468.513.877
Thu nhập khác	8.613.528	315.114.632
Cộng	192.636.255	1.802.773.509

8. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý, nhượng bán	348.520.057	-
Phạt vi phạm hành chính	5.000.000	4.500.000
Chi phí khác	12.337.529	8.864.219
Cộng	365.857.586	13.364.219



CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BẾN THÀNH

Địa chỉ: Lô B3-1 Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, Đường Giáp Hải, Xã Trung Lập Hạ, Huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	10.968.295.899	16.311.092.105
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	10.968.295.899	16.311.092.105
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm ^(*)	8.939.381	8.249.998
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.227	1.977

^(*) Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	8.249.998	8.249.998
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành	689.383	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	8.939.381	8.249.998

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	91.627.347.534	100.046.418.136
Chi phí nhân công	15.463.724.293	17.043.221.269
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.777.045.280	7.875.083.544
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.578.467.823	15.535.770.786
Chi phí khác	6.198.820.780	5.860.301.286
Cộng	141.645.405.710	146.360.795.021

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ứng trước tiền mua tài sản cố định	3.684.044.000	25.288.287.440
Tiền mua tài sản cố định phải trả	11.547.984.840	-

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt năm 2013 là 2.220.000.000 VND (năm trước là 1.859.000.000 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BẾN THÀNH

Địa chỉ: Lô B3-1 Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, Đường Giáp Hải, Xã Trung Lập Hạ, Huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên 1	Cổ đông sở hữu 18,67% vốn điều lệ
Tổng Công ty công nghiệp Sài Gòn	Cổ đông sở hữu 19,86% vốn điều lệ
Tập đoàn công nghiệp cao su Việt Nam	Cổ đông sở hữu 48,55% vốn điều lệ

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên 1		
Mua hàng	9.712.146.950	11.033.340.000
Phải trả cổ tức	2.310.000.000	87.000.000
Tổng Công ty công nghiệp Sài Gòn		
Phải trả cổ tức	2.457.578.000	1.966.062.400
Tập đoàn công nghiệp cao su Việt Nam		
Phải trả cổ tức	1.791.790.000	633.600.000

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên 1		
Phải thu tiền bán hàng	2.404.336.000	3.557.807.000
Tổng Công ty công nghiệp Sài Gòn		
Phải thu tiền cổ phần hóa	2.162.711.778	2.162.711.778
Cộng nợ phải thu	4.567.047.778	5.720.518.778
Tổng Công ty công nghiệp Sài Gòn		
Phải trả cổ tức	4.423.640.400	1.966.062.400
Cộng nợ phải trả	4.423.640.400	1.966.062.400

2. Chi phí lãi vay vốn hoá

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay vốn hoá	571.109.475	-
Tổng chi phí lãi vay	1.175.316.273	1.373.422.442

Tỷ lệ vốn hóa 49% 0%

3. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý của Công ty. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ của Công ty.

Kết quả kinh doanh, tài sản và nợ phải trả bao gồm các khoản có liên quan trực tiếp đến bộ phận và các khoản có thể phân bổ được trên một cơ sở hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BẾN THÀNH

Địa chỉ: Lô B3-1 Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, Đường Giáp Hải, Xã Trung Lập Hạ, Huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực sản xuất: sản xuất băng tải, dây courroie, các sản phẩm cao su kỹ thuật,...
- Lĩnh vực thương mại: bán cao su SVR.
- Lĩnh vực khác: dịch vụ nối đầu, sửa chữa băng tải,...

Thông tin về lĩnh vực kinh doanh trong năm của Công ty được thể hiện ở Phụ lục đính kèm từ trang 39 đến trang 41.

Khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở khu vực nội địa và khu vực xuất khẩu.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	Năm nay	Năm trước
Khu vực nội địa	175.813.355.394	157.505.006.792
Khu vực xuất khẩu	27.748.000.265	34.819.346.881
Cộng	203.561.355.659	192.324.353.673

4. Số liệu so sánh

Năm trước, Công ty trình bày khoản đầu tư vào Công ty cổ phần chỉ sợi cao su trên khoản mục đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh là chưa phù hợp với hướng dẫn của Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

Năm nay, Công ty hạch toán các khoản thuế bị truy thu theo Biên bản kiểm tra thuế ngày 25 tháng 9 năm 2013 của Cục thuế TP. Hồ Chí Minh cho thời kỳ từ năm 2007 đến 2011.

Ảnh hưởng của các vấn đề trên đến số liệu so sánh của năm trước như sau:

	Mã số	Số liệu theo Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm trước	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh
Bảng cân đối kế toán				
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	1.460.246.666	(1.200.000.000)	260.246.666
Đầu tư dài hạn khác	258	8.400.000.000	1.200.000.000	9.600.000.000
Thuế GTGT được khấu trừ	154	91.977.802	(82.340.799)	9.637.003
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	4.435.483.358	6.472.810.847	10.908.294.205
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	16.920.697.618	(6.555.151.646)	10.365.545.972

5. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BẾN THÀNH

Địa chỉ: Lô B3-1 Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, Đường Giáp Hải, Xã Trung Lập Hạ, Huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, có tài sản đảm bảo đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng có uy tín do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VIII.5 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền	54.223.198.968	-	-	-	54.223.198.968
Phải thu khách hàng	26.726.167.773	-		1.777.116.580	28.503.284.353
Các khoản phải thu khác	3.973.294.906	-	-	-	3.973.294.906
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	14.400.000.000	-	-	-	14.400.000.000
Cộng	99.322.661.647	-	-	1.777.116.580	101.099.778.227
Số đầu năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền	43.918.239.957	-	-	-	43.918.239.957
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4.190.126.264	-	-	-	4.190.126.264
Phải thu khách hàng	27.727.652.648	-	112.112.000	1.318.734.500	29.158.499.148
Các khoản phải thu khác	3.540.365.133	-	-	-	3.540.365.133
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	9.600.000.000	-	-	-	9.600.000.000
Cộng	88.976.384.002	-	112.112.000	1.318.734.500	90.407.230.502

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BẾN THÀNH

Địa chỉ: Lô B3-1 Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, Đường Giáp Hải, Xã Trung Lập Hạ, Huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh dựa trên thời hạn thanh toán (bao gồm gốc và lãi) theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Cộng
Số cuối năm				
Vay và nợ	10.843.258.224	97.742.474.143	-	108.585.732.367
Phải trả người bán	16.458.355.082	-	-	16.458.355.082
Các khoản phải trả khác	8.736.467.688	-	-	8.736.467.688
Cộng	36.038.080.994	97.742.474.143	-	133.780.555.137
Số đầu năm				
Vay và nợ	12.838.236.945	29.060.658.300	6.700.669.892	48.599.565.137
Phải trả người bán	2.886.737.857	-	-	2.886.737.857
Các khoản phải trả khác	2.867.528.120	100.000.000	-	2.967.528.120
Cộng	18.592.502.922	29.160.658.300	6.700.669.892	54.453.831.114

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá chứng khoán và rủi ro giá hàng hóa/ nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2012 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá chứng khoán và giá hàng hóa/nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BẾN THÀNH

Địa chỉ: Lô B3-1 Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, Đường Giáp Hải, Xã Trung Lập Hạ, Huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty nhập khẩu nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất và xuất khẩu sản phẩm với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ USD của Công ty như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền và các khoản tương đương tiền	12.614,50	19.533,74
Phải thu khách hàng	144.481,00	143.071,00
Vay và nợ	(620.999,92)	(600.954,00)
Phải trả người bán	(527.340,00)	-
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ	(991.244,42)	(438.349,26)

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do nợ phải trả thuần ngoại tệ có giá trị nhỏ.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Công ty như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	USD	VND	USD
Tiền và các khoản tương đương tiền	51.300.000.000	-	37.975.417.579	-
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	4.190.126.264	-
Vay và nợ	(69.405.602.325)	(620.999,92)	(29.572.350.778)	(600.954,00)
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần	(18.105.602.325)	(620.999,92)	12.593.193.065	(600.954,00)

Công ty đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của lãi suất đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi có giá trị nhỏ.

Rủi ro về giá chứng khoán

Các chứng khoán do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BẾN THÀNH

Địa chỉ: Lô B3-1 Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, Đường Giáp Hải, Xã Trung Lập Hạ, Huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của giá chứng khoán đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do khoản đầu tư chứng khoán có giá trị nhỏ.

Rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa/nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Công ty thế chấp số dư tài khoản tiền gửi sản xuất kinh doanh bằng VND và ngoại tệ tại Ngân hàng và Tổ chức tín dụng khác; các khoản phải thu theo hợp đồng kinh tế được ký kết giữa Công ty và đối tác khác mà Công ty là người thụ hưởng để đảm bảo khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Sài Gòn (xem thuyết minh số V.1, V.3).

Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Công ty không nhận tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2012.

6. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Tiền và các khoản tương đương tiền	54.223.198.968	-	43.918.239.957	-	54.223.198.968	43.918.239.957
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	4.190.126.264	-	-	4.190.126.264
Phải thu khách hàng	28.503.284.353	(1.471.205.030)	29.158.499.148	(667.907.250)	27.032.079.323	28.490.591.898
Các khoản cho vay	-	-	-	-	-	-
Các khoản phải thu khác	3.973.294.906	-	3.540.365.133	-	3.973.294.906	3.540.365.133
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	14.400.000.000	-	9.600.000.000	-	14.400.000.000	9.600.000.000
Cộng	101.099.778.227	(1.471.205.030)	90.407.230.502	(667.907.250)	99.628.573.197	89.739.323.252

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay và nợ	82.527.330.635	42.089.020.690	82.527.330.635	42.089.020.690
Phải trả người bán	16.458.355.082	2.886.737.857	16.458.355.082	2.886.737.857
Các khoản phải trả khác	8.736.467.688	2.967.528.120	8.736.467.688	2.967.528.120
Cộng	107.722.153.405	47.943.286.667	107.722.153.405	47.943.286.667

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BẾN THÀNH

Địa chỉ: Lô B3-1 Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, Đường Giáp Hải, Xã Trung Lập Hạ, Huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc năm tài chính. Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết nhưng có giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày kết thúc năm tài chính thì giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác dài hạn, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán và không có giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố được ước tính bằng cách chiết khấu dòng tiền với lãi suất áp dụng cho các khoản nợ có đặc điểm và thời gian đáo hạn còn lại tương tự.

Công ty chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết và không có giá giao dịch của 3 công ty chứng khoán công bố. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 02 năm 2014



Huỳnh Ngọc Sơn
Người lập biểu



Lưu Thị Tố Như
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Thanh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BẾN THÀNH

Địa chỉ: Lô B3-1 Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, đường Giáp Hai, xã Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Phụ lục: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Đơn vị tính: VND

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty:

Năm nay	Lĩnh vực sản xuất	Lĩnh vực thương mại	Lĩnh vực khác	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	154.962.690.020	46.034.280.900	2.564.384.739	203.561.355.659
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	154.962.690.020	46.034.280.900	2.564.384.739	203.561.355.659
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	13.762.475.782	284.946.519	1.418.328.554	15.465.750.855
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				15.465.750.855
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				2.668.767.854
Doanh thu hoạt động tài chính				(3.057.830.041)
Chi phí tài chính				192.636.255
Thu nhập khác				(365.857.586)
Chi phí khác				(4.473.589.318)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				538.417.880
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				10.968.295.899
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	101.539.234.062	-	390.233.408	101.929.467.470
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	9.741.648.153	-	32.519.448	9.774.167.601

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BẾN THÀNH

Địa chỉ: Lô B3-1 Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, đường Giáp Hải, xã Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Phụ lục: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

	Lĩnh vực sản xuất	Lĩnh vực thương mại	Lĩnh vực khác	Cộng
Năm trước				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	157.902.386.021	31.144.240.400	2.838.044.169	191.884.670.590
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	157.902.386.021	31.144.240.400	2.838.044.169	191.884.670.590
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	12.304.791.467	394.732.781	1.596.296.002	14.295.820.250
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				14.295.820.250
Doanh thu hoạt động tài chính				5.125.083.803
Chi phí tài chính				(2.581.777.504)
Thu nhập khác				1.802.773.509
Chi phí khác				(13.364.219)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(2.317.443.734)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				16.311.092.105
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	2.559.399.993	-	-	2.559.399.993
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	9.751.587.743	-	-	9.751.587.743

Nguyễn Ngọc Sơn

Nguyễn Ngọc Sơn
Người lập biểu

Lưu Thị Tố Như

Lưu Thị Tố Như
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Thanh
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 02 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BẾN THÀNH

Địa chỉ: Lô B 3-1 KCN Tây Bắc Củ Chi, Xã Trung Lập Hạ, Huyện Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Phụ lục: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:
Đơn vị tính: VND

	Lĩnh vực sản xuất	Lĩnh vực thương mại	Lĩnh vực khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Số cuối năm					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	214.488.850.482	-	-	-	214.488.850.482
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận					77.083.600.979
Tổng tài sản					291.572.451.461
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	104.830.428.247	-	-	-	104.830.428.247
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận					10.478.849.403
Tổng nợ phải trả					115.309.277.650
Số đầu năm					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	98.056.722.038	29.045.254.339	579.873.817	-	127.681.850.194
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận					98.105.586.518
Tổng tài sản					225.787.436.712
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	47.100.113.905	31.132.500.000	100.000.000	-	78.332.613.905
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận					14.909.936.095
Tổng nợ phải trả					93.242.550.000

Nguyễn Ngọc Sơn

Nguyễn Ngọc Sơn
Người lập biểu

Lưu Thị Tố Như

Lưu Thị Tố Như
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Thanh
Tổng Giám đốc

